

VỐN XÃ HỘI TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Ngọc¹

Tóm tắt: Cùng với sự phát triển của nhân loại nói chung, cộng đồng các quốc gia ở châu Âu và Việt Nam nói riêng có sự tồn tại, tích lũy và phát triển của nhiều loại hình vốn khác nhau, trong đó vốn xã hội Trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, vốn xã hội được cho là một trong những yếu tố chính, quyết định đến tính bền vững của các hệ sinh thái. Các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) được đánh giá có nhiều thành công trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học nhờ áp dụng các giải pháp phát huy nguồn "vốn xã hội" sẵn có. Bài viết này sẽ phân tích, đánh giá vai trò của vốn xã hội trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học ở các nước EU từ đó đề xuất một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng ở Việt Nam.

Từ khóa: bảo vệ môi trường, vốn xã hội, bảo tồn đa dạng sinh học, Liên minh Châu Âu

1. Khái quát chung về vốn xã hội trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học

Cho đến nay, "vốn xã hội" đã được đề cập nhiều trong các nghiên cứu trên thế giới, song chưa có một định nghĩa thống nhất. Có thể hiểu một cách khái quát theo cách định nghĩa của Francis Fukuyama, vốn xã hội là một chuẩn mực phi chính thức, được biểu hiện trong thực tế, có tác dụng thúc đẩy sự hợp tác giữa hai, hay nhiều cá nhân¹.

Theo cách định nghĩa trên, vốn xã hội trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng

sinh học có thể được hiểu khái quát là "chuẩn mực" phi chính thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Nguồn vốn này được tạo nên từ mối tương quan sinh động giữa con người với con người, con người với tự nhiên. Nguồn vốn này được nhận biết thông qua cách hay "chuẩn mực" người ta sống, ứng xử với nhau, ứng xử với môi trường xung quanh, ứng xử với các loài. Thông thường, cách ứng xử tự nguyện, nhân văn sẽ tạo ra nguồn vốn xã hội đáng quý, đặc biệt trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học.

Có thể thấy rõ sự phụ thuộc của vốn xã hội vào cấu trúc văn hóa, mỗi nền văn hóa sẽ có những "chuẩn mực" khác nhau trong ứng xử giữa con người với con người, giữa con

¹ TS, Viện Nghiên cứu Châu Âu

¹ Trần Hữu Quang (2006), "Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội", *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 7, tr. 74-81

người với tự nhiên. Chẳng hạn, có sự khác nhau rõ rệt trong vốn xã hội ở các quốc gia Bắc Âu (Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan), với các quốc gia ở Đông Âu và Tây Âu². Ở Bắc Âu, mức độ tham gia của cộng đồng vào các hoạt động xã hội trong đó có bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cao hơn nhiều ở các quốc gia Đông, Tây Âu. Điều này được lý giải xuất phát từ truyền thống văn hóa canh tác nông nghiệp trong lịch sử cần có sự chia sẻ, liên kết của cộng đồng, kết hợp với việc thi hành chế độ phúc lợi mà các nhà nước ở Bắc Âu thực hiện. Cụ thể là, hầu hết các quốc gia Bắc Âu có chế độ phúc lợi cao, các hoạt động mang tính hiệp hội, cộng đồng như các NGO, nhà thờ, công đoàn được thể chế hóa rộng rãi nên đã phát huy tốt nguồn vốn xã hội. Trong một số trường hợp, mối quan hệ tương hỗ giữa cá nhân, gia đình, dòng tộc ở những quốc gia này cũng góp phần tạo nên “chuẩn mực” nhất định cho cộng đồng. Điều này rất khó tìm thấy ở các quốc gia phía Đông và Tây Âu, nơi có chế độ phúc lợi kém phát triển.

Mặc dù châu Âu được đánh giá là khu vực có nền văn hóa khá đa dạng, song đặc điểm chung nhất đây là nền văn hóa của những người “sống trên lưng ngựa”, họ có cuộc sống phóng khoáng, hài hòa, tôn trọng tự nhiên, tôn trọng muôn loài. Điều này góp phần tạo nên “chuẩn mực” đạo đức riêng, luôn thường trực trong ý thức của người châu Âu về bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái.

Chẳng hạn, chuẩn mực “không ăn thịt các loại thú rừng” có ở hầu hết cộng đồng văn hóa phương Tây, trong khi đó người Việt Nam lại coi đây là những món đặc sản và sẵn sàng chi trả để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Ngày nay, chuẩn mực về bảo vệ môi trường còn được người dân châu Âu ý thức rõ và thể hiện thông qua việc xả rác thải đúng loại, đúng nơi quy định hoặc không hút thuốc lá ở những khu vực công cộng v.v.

Bên cạnh đó, phải công nhận rằng trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học có sự phụ thuộc nhất định giữa vốn xã hội với khả năng kinh tế của cá nhân và vị trí xã hội của họ. Những người có điều kiện kinh tế, có vị thế xã hội thường dễ dàng chấp nhận “hy sinh” lợi ích cá nhân để được sống trong một môi trường trong lành, hài hòa với tự nhiên, với các loài... Nói cách khác, họ dễ dàng chấp nhận các “luật bất thành văn” trong cộng đồng miễn là có thể bảo vệ được môi trường sống, bảo vệ sức khỏe cho họ.

2. Sử dụng vốn xã hội trong bảo tồn đa dạng sinh học ở châu Âu

Ở EU, vốn xã hội được đánh giá thông qua một số dấu hiệu cơ bản bao gồm: là thành viên của các hiệp hội bảo tồn, bảo vệ thiên nhiên; chỉ số niềm tin; các chỉ số liên kết vốn xã hội (mạng xã hội, hỗ trợ xã hội) v.v.

Tại khu vực đất nông nghiệp và rừng tự nhiên, người dân EU có nhận thức rõ nét về mối quan hệ giữa hệ sinh thái nông nghiệp và hệ sinh thái tự nhiên, vì vậy họ tự nguyện nhắc nhở nhau cùng bảo vệ nguồn đa dạng

² Claire Wallace and Florian (2005), *Bridging and Bonding Social Capital: Which is More Prevalent in Europe?*. European Commission, p. 7

sinh học này. Càng ở những khu vực người dân có ý thức cao về các chuẩn mực bảo vệ môi trường, nói cách khác họ có những “quy tắc ngầm, đánh giá ngầm” chi phối hoạt động bảo vệ môi trường, việc đẩy mạnh bảo tồn đa dạng càng được tiến hành dễ dàng, nhanh chóng. Thông thường, những quy ước này được sử dụng kết hợp với các quy định, quy tắc bắt buộc do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Chẳng hạn, các

hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, săn bắn ở một số khu vực được cộng đồng dân cư ở các nước EU thực hiện theo nhiều hình thức, trong đó có hình thức sử dụng uy tín cũng như nguyên tắc ngầm của gia đình, dòng tộc tại khu vực đó³. Thậm chí, ở một số nơi người ta xây dựng các nhóm cộng đồng tự nguyện bảo vệ đa dạng sinh học, như bảng dưới đây:

Bảng 1: Nhóm cộng đồng tự nguyện bảo vệ đa dạng sinh học ở Anh

Các nhóm xã hội	Các mục tiêu nhằm cải thiện đa dạng sinh học		
	Đa dạng sinh học trong nông nghiệp và đa dạng hóa hệ thống trang trại	Đa dạng sinh học tại các vùng đệm	Đa dạng sinh học tại các khu vực cần bảo tồn nghiêm ngặt
Nhóm bảo vệ và quản lý lưu vực		x	
Nhóm quản lý rừng		x	x
Nhóm sử dụng hợp lý nguồn nước	X		
Nhóm quản lý dịch hại tổng hợp	X	x	
Nhóm quản lý động vật hoang dã		x	x
Nhóm quản lý nghề cá		x	X
Nhóm nông nghiệp nông thôn và cải thiện môi trường sống	X	x	

Nguồn Jules Pretty and David Smith, (2004), "Social Capital in Biodiversity Conservation and Management". Conservation Biology No 3, Volume 18, pp 634

Đương nhiên, những người tham gia vào các nhóm này đều nhận thức được việc bảo vệ đa dạng sinh học sẽ mang lại nhiều lợi ích cho tập thể, thậm chí nhiều lợi ích cho

chính bản thân mình. Thực tế cho thấy vào những năm 1990, ở Anh có khoảng 408-478 nghìn nhóm cộng đồng bảo vệ môi trường khác nhau thu hút sự tham gia của 8 đến 14

triệu hộ gia đình, trong đó chủ yếu là các nhóm nhỏ từ 20 đến 30 người³.

Nguồn vốn xã hội trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung, bảo tồn đa dạng sinh học nói riêng cũng có sự thay đổi tùy thuộc vào mức độ quan tâm của chính quyền dành cho từng khu vực nhằm duy trì, phát triển những chuẩn mực phi chính thức. Ví dụ, hệ thống nuôi trồng, canh tác nông nghiệp truyền thống ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha được duy trì mức độ đa dạng sinh học cao nhờ có các chương trình hỗ trợ bảo tồn truyền thống canh tác của nông dân địa phương⁴. Hoặc tại Pháp, người ta có nhiều hỗ trợ tích cực giúp người dân duy trì truyền thống canh tác, xây dựng các trang trại nông, lâm, ngư nghiệp kiểu công viên. Những hỗ trợ này được người dân địa phương hưởng ứng mạnh, từ đó duy trì, phát huy được truyền thống canh tác quý báu. Rõ ràng, vốn xã hội trong bảo tồn đa dạng sinh học không dễ được khơi dậy bởi các chính sách của nhà nước nhưng nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy nguồn vốn xã hội trong bảo vệ môi trường thông qua giáo dục, tuyên truyền tạo ra thể hệ công dân có trách nhiệm với môi trường, có lòng yêu thiên nhiên tha thiết. Chẳng hạn, ở Đan Mạch, trẻ em đã được phân công thành các nhóm học

lý thuyết cũng như thực hành về bảo vệ đa dạng sinh học, từ đó giúp các em làm quen dần với cách làm việc nhóm⁵.

Người châu Âu cũng nhận thấy rằng để bảo tồn đa dạng sinh học, cộng đồng người dân địa phương không thể đứng ngoài cuộc và giữa họ phải có sự tin tưởng, cùng giúp đỡ nhau để thực hiện mục tiêu. Chẳng hạn, ở Pháp, để bảo vệ cảnh quan khu vực đầm lầy Pares du Marais du Contentin et du Bessin, chính quyền khu vực này đã khéo léo khuyến khích người dân địa phương phát huy nguồn tri thức bản địa về bảo tồn các loài động, thực vật, giữ gìn sinh cảnh sống cho chúng từ trước tới nay⁶. Đương nhiên, người dân phải được hưởng lợi từ việc bảo tồn thông qua việc khai thác các nguồn tài nguyên ở đó cho mục đích thực phẩm, hàng hóa, du lịch sinh thái v.v. Vốn xã hội hay nói cách khác là các “chuẩn mực” về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, lúc này sẽ trở nên vô cùng quan trọng, nó có thể giúp cộng đồng quản lý tốt được các nguồn tài nguyên, kim hãm, hạn chế được hành động gây ảnh hưởng xấu từ chính cộng đồng hoặc từ bên ngoài. Thông thường, những vi phạm các “chuẩn mực” hay những “quy tắc ngầm” sẽ bị cộng đồng lên án, không chấp nhận, làm cho đương sự xấu hổ, từ đó làm thay đổi

³ Jules Pretty and David Smith (2004), “Social Capital in Biodiversity Conservation and Management”, *Conservation Biology*, No.3, Volume 18, pp. 634.

⁴ Maria Allo, Eva Iglesias and Maria L. Loureiro, (2013), *Farmers' Preferences and Social Capital towards Agri-Environmental Schemes for Protecting Birds*, the Agricultural & Applied Economics Association's, Washington, DC, pp. 3-5.

⁵ Hữu Túc, (2010), *Vi sao người Thụy Sĩ, Đan Mạch hạnh phúc nhất thế giới?*, URL: <http://vtc.vn/2-256929/xa-hoi/vi-sao-nguoi-thuy-si-dan-mach-hanh-phuc-nhat-the-gioi.htm>, truy cập ngày 28/04/2014.

⁶ Jules Pretty and David Smith, (2004), “Social Capital in Biodiversity Conservation and Management”, *Conservation Biology*, No.3, Volume 18, pp. 635.

hành vi của cá nhân, thậm chí đuổi khỏi nơi cư trú.

Để bảo vệ các loài chim ở Tây Ban Nha, ngoài nỗ lực của chính phủ, người ta cũng ghi nhận những đóng góp đáng kể của cộng đồng địa phương nhờ những “nguyên tắc ngầm” ràng buộc trong quan hệ giữa các cá nhân ở địa phương. Nhờ đó, họ đã tự nguyện bảo nhau thay đổi thói quen canh tác phá hoại đa dạng sinh học cũ bằng hình thức canh tác mới, xây dựng “chuẩn mực” canh tác mới nhằm giữ gìn sinh cảnh sống cho các loài chim. Các khu vực canh tác được thực hiện theo phương thức luân canh vừa tạo ra được lượng thực phẩm thiết yếu hàng ngày vừa duy trì được chỗ trú ẩn cho các loài.

Thực tế cho thấy “mạng lưới xã hội” ở châu Âu rất phát triển. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có sự xuất hiện và gia tăng đáng kể của nhiều tổ chức tình nguyện trong những năm gần đây. Những tổ chức này đã và đang thu hút được sự tham gia của cộng đồng địa phương, thậm chí có nhiều tổ chức còn xuyên quốc gia. Trong một điều tra của Claire Wallace⁷ và được Euro Barometer ghi nhận có tới 62,2% số người được hỏi khẳng định họ là thành viên của 14 tổ chức khác nhau, trong đó là thành viên của các tổ chức về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học. Mức độ tham gia của các thành viên cao nhất là các nước Bắc Âu, sau đó giảm dần ở Tây

Âu và thấp nhất ở Đông Nam Châu Âu. Tuy nhiên, sự tham của các thành viên cũng ở nhiều cấp độ khác nhau, có thành viên chủ động, có thành viên bị động, trong trường hợp người đứng đầu tổ chức là người có hoạt động tốt, lấy được niềm tin của cộng đồng thì đương nhiên sẽ có nhiều thành viên tích cực và chủ động tham gia.

Ở tầm vĩ mô, Liên minh Châu Âu và chính quyền các nước thành viên đã xây dựng được hệ thống luật pháp, chính sách tạo cơ sở thuận lợi cho tổ chức, mạng lưới xã hội phi lợi nhuận về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Ở tầm vi mô, các quốc gia đều phát huy vai trò của các tổ chức, mạng lưới xã hội, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, chú ý đến giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trách nhiệm của cá nhân trước các vấn đề chung. Đây cũng là những kinh nghiệm quý các nước trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng có thể tham khảo và vận dụng.

3. Đề xuất những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Việt Nam là một trong 16 quốc gia có tính đa dạng sinh học cao trên thế giới. Đa dạng sinh học đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng của các chu trình và hệ sinh thái trong tự nhiên, đồng thời là nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển đất nước⁸. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam

⁷ Claire Wallace and Florian (2005), *Bridging and Bonding Social Capital: Which is More Prevalent in Europe?*, European Commission, pp 7.

⁸ Nguyễn Huy Dũng, Vũ Văn Dũng 2007, *Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam-mối liên hệ với phát triển bền vững và biến đổi khí hậu*, Hội thảo chuyên đề về

đang phải đối mặt với thực trạng suy thoái đa dạng sinh học do khai thác, sử dụng đất bừa bãi, thói quen đánh bắt hủy diệt, xây dựng cơ sở hạ tầng ở ạt...

Bảo vệ đa dạng sinh học là nhiệm vụ quan trọng, được Đảng, Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường đặc biệt quan tâm song kết quả thu được còn nhiều hạn chế. Một trong những nguyên nhân là việc chưa phát huy được vốn xã hội trong việc bảo tồn đa dạng sinh học tại cộng đồng. Từ việc nghiên cứu việc sử dụng nguồn vốn xã hội trong bảo tồn đa dạng sinh học ở các nước châu Âu, tác giả mạnh dạn đề xuất một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

3.1. Giải pháp vĩ mô

Thứ nhất, cần xây dựng hệ thống luật pháp và các chính sách rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức phi chính phủ, mạng lưới cộng đồng về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; khuyến khích mạng lưới này xây dựng, gìn giữ các quy tắc hay là các chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Chẳng hạn, Nhà nước và Chính phủ có những ưu đãi nhất định cho cộng đồng địa phương tự quản về bảo vệ đa dạng sinh học như tổ chức tuyên dương, hỗ trợ cho các cá nhân, tập thể có sáng kiến hay trong bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm. Chính quyền địa phương có thể tham vấn và hỗ trợ cộng đồng xây dựng

các chuẩn mực của cộng đồng về bảo vệ môi trường tại địa phương mình.

Thứ hai, cần có chính sách nhằm hạn chế “dị vốn” và phát huy vốn xã hội. Chẳng hạn các cơ quan hoạch định chính sách của Nhà nước cần có những nghiên cứu thiết thực nhằm xây dựng một cơ chế tham gia hiệu quả của cộng đồng, mạng lưới xã hội, nhất là những cộng đồng bị ảnh hưởng tiêu cực do khai thác, sử dụng quá mức nguồn tài nguyên đa dạng sinh học; hạn chế tới mức thấp nhất, thậm chí xóa bỏ thói quen ăn thịt các loại động, thực vật hoang dã có nguy cơ bị đe dọa v.v.

Hiện nay, Việt Nam có nhiều tổ chức xã hội phi lợi nhuận về bảo tồn đa dạng sinh học đang hoạt động từ trung ương đến địa phương như các hội, đoàn thể, hiệp hội. v.v. Do vậy, công tác quản lý cần được Nhà nước chú trọng đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức này tự quản một cách có trách nhiệm theo “quy ước, hương ước” được chính họ đề ra.

3.2. Giải pháp vi mô

Đề nguồn vốn xã hội trong bảo vệ đa dạng phát huy tốt ở cấp độ cộng đồng, Việt Nam cần có những biện pháp duy trì, phát huy thông qua việc thường xuyên giám sát, nhắc nhở kịp thời để các cá nhân tự nhận thấy được giá trị của đa dạng sinh học và tự hướng các hành động của mình nhằm bảo vệ giá trị này.

Các hoạt động truyền thông đại chúng về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh

học cần tiến hành thường xuyên, đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân sinh sống ở khu vực có tính đa dạng sinh học cao, các khu bảo tồn thiên nhiên.

Đẩy mạnh giáo dục đạo đức môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học từ gia đình tới trường học nhằm giúp thế hệ trẻ nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ các giá trị chung, xây dựng nếp sống văn minh, gần gũi với tự nhiên. Trải nghiệm, khám phá tự nhiên có thể coi là hình thức hữu hiệu giúp khơi dậy lòng yêu thiên nhiên cho học sinh và những người tham gia. Kinh nghiệm từ các nước EU cho thấy, nhà trường cũng như các tổ chức bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học cần có khuyến khích, ưu tiên cho học sinh tham gia vào các hành trình khám phá tìm hiểu tự nhiên, từ đó giúp học sinh tích lũy thêm những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống cũng như khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước.

Ngoài ra cần tập trung bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức, lãnh đạo, các nhà khoa học có tình yêu sâu sắc với thiên nhiên, am hiểu về đa dạng sinh học để họ có thể phát huy tốt vai trò là người lãnh đạo tập thể, lôi kéo người khác tham gia vào các phong trào này.

Tài liệu tham khảo

1 Jules Pretty and David Smith (2004), "Social Capital in Biodiversity Conservation and Management", *Conservation Biology* No.3, Volume 18, pp. 631-638.

2. Jerome Ballet, Nicolas Sirven and Melame Reguiers (2007), "Social Capital

and Natural Resource Management: A Critical Perspective", *The Journal of Environment Development*, Vol. 16, 355.

3. Claire Wallace and Florian (2005), *Bridging and Bonding Social Capital: Which is More Prevalent in Europe?*, European Commission

4. Thomas Macias and Elysia Nelson (2011). "A Social Capital for Environmental Concern: Evidence from Northern New England", *Rural Sociology* No.76, Volume 4, pp. 562-581.

5. Ton van Schaik (2002), *Social Capital in the European Values Study Surveys*, working paper at the OECD-ONS International Conference on Social Capital Measurement London, September 25-25, 2002.

6. Neira Isabel and Portela Marta (2010), "Social Capital and Growth in European Regions", *Regional and Sectoral Economic Studies*, No. 2, Vol. 10, pp. 19-28.

7. Wim Van Oorschot, Wil Arts and John Gelissen, (2006), "Social Capital in Europe: Measurement and Social and Regional Distribution of a Multifaceted Phenomenon", *ACTA Sociologica*, Volume 49, No. 2, pp. 149-167.

8. Nguyễn Quang Tuấn (2008), *Phát huy vốn xã hội trong bảo vệ môi trường*, URL:

<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/non-g-nghiep-nong-thon/2008/757/Phat-huy-von-xa-hoi-trong-bao-ve-moi-truong.aspx>